

**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 470 /QĐ- KTCNHN ngày 31 tháng 12 năm 2024 của  
Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế Công nghệ Hà Nội)*

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng ban hành theo Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Điều lệ Trường cao đẳng Kinh tế Công nghệ Hà Nội;

Trường cao đẳng Kinh tế Công nghệ Hà Nội xây dựng Đề án tuyển sinh năm 2025 với các nội dung cụ thể sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên trường, sứ mệnh**

**1.1. Tên trường:** Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghệ Hà Nội

**1.2. Sứ mệnh:**

Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghệ Hà Nội là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xã hội, hội nhập khu vực và quốc tế. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hợp tác trong nước và quốc tế, kinh doanh dịch vụ tư vấn du học quốc tế và cung cấp dịch vụ sản xuất được xây dựng trên cơ sở đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp dạy học linh hoạt, phù hợp và thuận lợi nhất cho người học.

**1.3. Quyết định thành lập/đổi tên:**

Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghệ Hà Nội được thành lập theo quyết định số 594/QĐ-LĐTBXH ngày 12/05/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Kinh tế Hà Nội và Quyết định số 1287/QĐ-LĐTBXH ngày 24/9/2018 của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường cao đẳng nghề Công nghệ và Kinh tế Hà Nội thành Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghệ Hà Nội.

**1.4. Mã trường: CDD0121**

## **2. Địa chỉ:**

**2.1. Trụ sở chính:** Số 202 Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

a) Cơ sở tại Hà Nội:

- Tổ dân phố Văn Trì, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; số 202 Hồ Tùng Mậu, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;

b) Cơ sở liên kết, hợp tác mở địa điểm đào tạo:

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Thành An: Ngõ 186, Phan Trọng Tuệ, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

**2.2. Địa chỉ Email trường:** vp@hateco.edu.vn

**2.3. Cổng thông tin điện tử trường:** <https://Hateco.edu.vn>

## **3. Thông tin về kết quả tuyển sinh**

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/10/2024, Nhà trường tuyển sinh 3.522 người học các ngành, nghề. Trong đó, trình độ cao đẳng: 2561 sinh viên; trình độ trung cấp: 253 học sinh; trình độ liên thông cao đẳng: 638 sinh viên, đào tạo ngắn hạn (03 tháng): 70 học viên.

## **II. VỀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

### **1. Về chất lượng đội ngũ nhà giáo**

#### **1.1. Về trình độ chuyên môn:**

Tiến sỹ: 05 người; thạc sỹ: 29 người; đại học 50 người; cao đẳng 02 người; trung cấp 00 người; thợ bậc cao 05 người; cố vấn cao cấp: 04 người; chuyên gia cao cấp: 02 người; giảng viên cao cấp: 04 người.

#### **1.2. Về nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp:**

Đại học sư phạm kỹ thuật 06 người; cao đẳng sư phạm kỹ thuật 05 người; Đại học sư phạm: 05 người; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy nghề trình độ Trung cấp, Cao đẳng: 70 người.

#### **1.3. Về trình độ kỹ năng nghề cấp quốc gia:** 03 người, kỹ sư: 06 người

### **2. Các ngành, nghề đào tạo của Nhà trường.**

**2.1. Đào tạo trình độ cao đẳng:** 24 ngành nghề

**2.1. Đào tạo trình độ trung cấp:** 24 ngành nghề

**2.3. Đào tạo trình độ sơ cấp:** 30 ngành nghề

**2.4. Tư vấn du học quốc tế:** Các nước trên thế giới theo nhu cầu người học

**Bảng 1. Các ngành, nghề đào tạo của Nhà trường**

TT	Tên ngành/ nghề	Mã ngành/ nghề	Giấy chứng nhận số
<b>I</b>	<b>Cao đẳng</b>		
1	Tiếng Anh	5220206	Số 76/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN, ngày 15/8/2019
2	Tiếng Hàn Quốc	6220211	
3	Tiếng Nhật bản	6220212	
4	Thương mại điện tử	6340122	
5	Kế toán doanh nghiệp	6340302	
6	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6480202	
7	Maketing	6340116	
8	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	6340417	
9	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6520113	
10	Trồng cây ăn quả	6620115	
11	Kỹ thuật chế biến món ăn	6810207	
12	Quản trị khách sạn	6810201	
13	Chăn nuôi- Thú y	6620120	Số 76a/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN, ngày 15/11/2022
14	Công nghệ Ô tô	6510216	
15	Thiết kế đồ họa	6210402	Đăng ký bổ sung năm 2025
16	Logistics	6340113	
17	Quan hệ công chúng	6320108	
18	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6810101	
19	Chăm sóc sắc đẹp	6810404	
20	Điều dưỡng	6720301	

<b>TT</b>	<b>Tên ngành/ nghề</b>	<b>Mã ngành/ nghề</b>	<b>Giấy chứng nhận số</b>
21	Nông nghiệp công nghệ cao	6620131	Đăng ký bổ sung năm 2025
22	Tiếng Trung Quốc	6220209	
23	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	
24	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	6510305	
<b>II</b>	<b>Trung cấp</b>		
1	Tiếng Anh	5220206	Số 76/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN, ngày 15/8/2019
2	Tiếng Hàn Quốc	5220211	
3	Tiếng Nhật bản	5220212	
4	Thương mại điện tử	5340122	
5	Kế toán doanh nghiệp	5340302	
6	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	5480202	
7	Maketing	5340116	
8	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	5340417	
9	Lắp đặt thiết bị cơ khí	5520113	
10	Trồng cây ăn quả	5620115	
11	Kỹ thuật chế biến món ăn	5810207	
12	Quản trị khách sạn	5810201	
13	Công nghệ Ô tô	5510216	Số 76a/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN, ngày 15/11/2022
14	Thiết kế đồ họa	5210402	Đăng ký bổ sung năm 2025
15	Logistics	5340113	
16	Quan hệ công chúng	5320108	

<b>TT</b>	<b>Tên ngành/ nghề</b>	<b>Mã ngành/ nghề</b>	<b>Giấy chứng nhận số</b>
17	Du lịch lữ hành	5810101	Đăng ký bổ sung năm 2025
18	Chăm sóc sắc đẹp	5810404	
19	Điều dưỡng	5720301	
20	Nông nghiệp công nghệ cao	5620131	
21	Tiếng Trung Quốc	5220209	
22	Tiếng Đức	5220210	
23	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	5510303	
24	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	5510305	
<b>III</b>	<b>Sơ cấp</b>		
1	Trồng cây ăn quả		Số 76/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN, ngày 15/8/2019
2	Kỹ thuật chế biến món ăn		
3	May công nghiệp		
4	Pha chế đồ uống		
5	Dịch vụ nhà hàng		
6	Cắm tỉa hoa		
7	Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm		
8	Kỹ thuật chăn nuôi lợn		
9	Chăn nuôi thú y		
10	Nuôi cá thương phẩm nước ngọt		
11	Trồng lúa chất lượng cao		

<b>TT</b>	<b>Tên ngành/ nghề</b>	<b>Mã ngành/ nghề</b>	<b>Giấy chứng nhận số</b>
12	Nuôi trồng và chế biến nấm ăn, nấm dược liệu		Số 76/2019/GCNĐKHD-TCGDNN, ngày 15/8/2019
13	Trồng rau an toàn		
14	Kỹ thuật trồng hoa		
15	Kỹ thuật trồng chè		
16	Điện dân dụng		
17	Xây trát dân dụng		
18	Thiết kế đồ họa số		
19	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng		
20	Quan hệ công chúng		
21	Quản trị du lịch và lữ hành		
22	Chăm sóc sắc đẹp		
23	Điều dưỡng đa khoa		
24	Nông nghiệp công nghệ cao		
25	Tiếng Trung Quốc		
26	Tiếng Đức		
27	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		
28	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động		
29	Tiếng Anh		
30	Tiếng Hàn Quốc		
31	Tiếng Nhật Bản		
32	Công nghệ Ô tô		

TT	Tên ngành/ nghề	Mã ngành/ nghề	Giấy chứng nhận số
IV	Học sinh Trung học phổ thông và học nghề trình độ trung cấp		Theo Luật giáo dục và Luật Giáo dục nghề nghiệp
V	Du học quốc tế		Đăng ký bổ sung

### 3. Đảm bảo điều kiện về đất đai; cơ sở vật chất; thiết bị, dụng cụ đào tạo

**3.1. Về diện tích đất sử dụng chung toàn trường:** 21.000 m<sup>2</sup> cùng nhiều cơ sở vật chất của các đơn vị thành viên thuộc Cơ quan chủ quản trường. Ngoài ra Nhà trường có khoảng 31.000 m<sup>2</sup> đất tại huyện Đông Anh, TP. Hà Nội là đất dành cho xây dựng và phát triển theo đề án tái cấu trúc, sắp xếp và đổi mới của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, Trong đó:

a) Tại trụ sở chính: 5.800 m<sup>2</sup>.

b) Tại địa điểm đào tạo (địa chỉ Khu phố Văn Trì, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm): 15.200 .m<sup>2</sup>

c) Tại địa điểm liên kết: (địa chỉ tại số 186 Phan Trọng Tuệ, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội): 10.000m<sup>2</sup>

**3.2. Diện tích xây dựng các hạng mục công trình: 30.000 m<sup>2</sup>.** Trong đó:

**a) Tại trụ sở chính: 5.800 m<sup>2</sup>.** Cụ thể:

- Khu hiệu bộ và khu hành chính 450 m<sup>2</sup>. Số người làm việc (Ban giám hiệu, cán bộ quản lý các phòng, khoa: 20 người.

- Phòng học lý thuyết: 6 phòng (420 m<sup>2</sup>).

- Phòng/xưởng thực hành: 02 phòng (300 m<sup>2</sup>).

- Phòng thí nghiệm: 01 phòng (100 m<sup>2</sup>).

- Hội trường: 01 phòng (800 m<sup>2</sup>)

- Khu giáo dục thể chất: 2.500 m<sup>2</sup>, công năng sử dụng: bóng chuyền, cầu lông, bóng rổ.

- Phòng y tế: 50 m<sup>2</sup>;

- Các công trình dịch vụ khác 1.180 m<sup>2</sup> (gồm: Khu vệ sinh của sinh viên, hành lang, khuôn viên, nơi đỗ xe).

**b) Tại địa điểm đào tạo tại Phú Minh, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội:** 15.200 .m<sup>2</sup>. Cụ thể:

- + Phòng làm việc: 6 phòng (400 m<sup>2</sup>).

+ Phòng học lý thuyết: 20 phòng (1500 m<sup>2</sup>).

+ Thư viện: 01 phòng (300 m<sup>2</sup>).

+ Phòng/xưởng thực hành: 02 phòng (600 m<sup>2</sup>).

+ Phòng thí nghiệm: 02 phòng (200 m<sup>2</sup>).

+ Cơ sở sản xuất thử nghiệm: 1.500 m<sup>2</sup>.

+ Công trình khác: 11.700 m<sup>2</sup> gồm: hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

**c) Tại địa điểm liên kết đào tạo:** Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Thành An (Bộ quốc phòng): Ngõ 186, đường Phan Trọng Tuệ, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

+ Phòng làm việc: 2 phòng (150 m<sup>2</sup>).

+ Phòng học lý thuyết: 10 phòng (600 m<sup>2</sup>).

+ Thư viện: 01 phòng (300 m<sup>2</sup>).

+ Phòng/xưởng thực hành: 05 phòng (1.500 m<sup>2</sup>).

\* Thực hành hàn máy hàn: 300 m<sup>2</sup>

\* Phòng thực hành sơn ô tô: 300 m<sup>2</sup>;

\* Phòng thực hành máy CNC: 300 m<sup>2</sup>

\* Phòng thực hành may công nghiệp: 300 m<sup>2</sup>

\* Phòng thực hành công nghệ ô tô, gia công cơ khí: 400 m<sup>2</sup>

+ Phòng thí nghiệm: 02 phòng (200 m<sup>2</sup>).

+ Ký túc xá: Đáp ứng nhu cầu lưu trú của 500 sinh viên, học sinh và học viên trở lên.

+ Nhà ăn: 600m<sup>2</sup>

+ Trạm Y tế: 200 m<sup>2</sup>

+ Bãi để xe, sân thể thao, khuôn viên: 5.800 m<sup>2</sup>

### **III. THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025**

**1. Thời gian tuyển sinh:** Được thực hiện liên tục, nhiều lần trong năm

**2. Đối tượng tuyển sinh**

**2.1. Trình độ trung cấp:** Những người đã tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) hoặc tương đương trở lên.



## 2.2. Trình độ cao đẳng:

- a) Người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương trở lên;
- b) Người có bằng tốt nghiệp trung cấp và có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa Trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa Trung học phổ thông theo quy định hiện hành.

## 2.3. Liên thông trình độ cao đẳng:

- a) Người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành, nghề và tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), hoặc có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông, hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định.
- b) Người đã tốt nghiệp cao đẳng, cao đẳng nghề có nhu cầu học liên thông sang ngành, nghề khác để có bằng tốt nghiệp cao đẳng thứ hai.

## 2.4. Tuyển sinh trình độ sơ cấp: Các đối tượng còn lại

**3. Hình thức tuyển sinh:** Xét tuyển theo hồ sơ đăng ký dự tuyển

## 4. Kế hoạch tuyển sinh:

- Trình độ sơ cấp: Tuyển sinh liên tục trong năm và theo nhu cầu đào tạo và đơn đặt hàng của doanh nghiệp.
- Trình độ trung cấp, cao đẳng: Tuyển sinh liên tục trong năm.

**Bảng 2. Kế hoạch xét tuyển cao đẳng, trung cấp hệ chính quy năm 2025**

Giai đoạn	Nội dung	Thời gian
<b>Đợt 1</b>	- Xây dựng và cập nhật thông tin về ngành học, chỉ tiêu, điều kiện tuyển sinh.	02/01/2024 - 31/03/2025
	- Công bố thông tin tuyển sinh (thông báo, tờ rơi, website)	
	- Đẩy mạnh truyền thông trên các kênh online: website, mạng xã hội.	
	- Tổ chức hội thảo, tham gia ngày hội tư vấn tuyển sinh tại các trường phổ thông.	
	- Gửi thông tin tuyển sinh tới các đối tác giáo dục, các đơn vị liên quan.	

<b>Đợt 2</b>	Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 1	01/04 - 10/07/2025
	Xét và thông báo kết quả trúng tuyển các ngành	12-20/07/2025
	Nhập học đợt 1	25-31/07/2025
<b>Đợt 3</b>	Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 2	01-23/08/2025
	Xét và thông báo kết quả trúng tuyển các ngành	03-06/9/2025
	Nhập học đợt 2	12-20/09/2025
<b>Đợt 4</b>	Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 3	21/09 - 20/11/2025
	Xét và thông báo kết quả trúng tuyển các ngành	02-06/12/2025
	Nhập học đợt 3	09-12/12/2025

### 5. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025

Đối với các ngành cao đẳng (dự kiến): 1.080 sinh viên

Đối với các ngành Trung cấp: 610 học sinh

Đối với hệ 9 + : 150 học sinh

Đối với trình độ sơ cấp: 650 học viên

Du học quốc tế: 30 người

**Bảng 3. Chi tiết chỉ tiêu tuyển sinh Hateco năm 2025**

TT	Tên ngành/ nghề	Mã ngành/ nghề	Số lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Cao đẳng</b>		<b>1.080</b>	
1	Tiếng Anh	5220206	35	
2	Tiếng Hàn Quốc	6220211	70	
3	Tiếng Nhật Bản	6220212	35	
4	Thương mại điện tử	6340122	70	
5	Kế toán doanh nghiệp	6340302	70	
6	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6480202	70	

<b>TT</b>	<b>Tên ngành/ nghề</b>	<b>Mã ngành/ nghề</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
7	Maketing	6340116	70	
8	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	6340417	70	
9	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6520113	18	
10	Trồng cây ăn quả	6620115	18	
11	Kỹ thuật chế biến món ăn	6810207	70	
12	Quản trị khách sạn	6810201	70	
13	Chăn nuôi - Thú y	6620120	20	
14	Công nghệ Ô tô	6510216	70	
15	Thiết kế đồ họa	6210402	35	
16	Logistics	6340113	35	
17	Quan hệ công chúng	6320108	35	
18	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6810101	35	
19	Chăm sóc sắc đẹp	6810404	20	
20	Điều dưỡng	6720301	30	
21	Nông nghiệp công nghệ cao	6620131	30	
22	Tiếng Trung Quốc	6220209	35	
23	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	35	
24	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	6510305	35	
<b>II</b>	<b>Trung cấp</b>		<b>610</b>	
1	Tiếng Anh	5220206	20	
2	Tiếng Hàn Quốc	5220211	30	

<b>TT</b>	<b>Tên ngành/ nghề</b>	<b>Mã ngành/ nghề</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
3	Tiếng Nhật Bản	5220212	30	
4	Thương mại điện tử	5340122	30	
5	Kế toán doanh nghiệp	5340302	30	
6	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	5480202	20	
7	Maketing	5340116	30	
8	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	5340417	30	
9	Lắp đặt thiết bị cơ khí	5520113	30	
10	Trồng cây ăn quả	5620115	30	
11	Kỹ thuật chế biến món ăn	5810207	30	
12	Quản trị khách sạn	5810201	30	
13	Công nghệ Ô tô	5510216	30	
14	Thiết kế đồ họa	5210402	20	
15	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	5340113	20	
16	Quan hệ công chúng	5320108	20	
17	Du lịch lữ hành	5810101	20	
18	Chăm sóc sắc đẹp	5810404	20	
19	Điều dưỡng	5720301	20	
20	Nông nghiệp công nghệ cao	5620131	20	
21	Tiếng Trung Quốc	5220209	30	
22	Tiếng Đức	5220210	30	
23	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	5510303	20	
24	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự	5510305	20	

<b>TT</b>	<b>Tên ngành/ nghề</b>	<b>Mã ngành/ nghề</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
	động			
<b>III</b>	<b>Sơ cấp</b>		<b>650</b>	
1	Trồng cây ăn quả		30	
2	Kỹ thuật chế biến món ăn		30	
3	May công nghiệp		60	
4	Pha chế đồ uống		30	
5	Dịch vụ nhà hàng		30	
6	Cắm tỉa hoa		30	
7	Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm		20	
8	Kỹ thuật chăn nuôi lợn		/	
9	Chăn nuôi - Thú y		/	
10	Nuôi cá thương phẩm nước ngọt		/	
11	Trồng lúa chất lượng cao		30	
12	Nuôi trồng và chế biến nấm ăn, nấm dược liệu		/	
13	Trồng rau an toàn		/	
14	Kỹ thuật trồng hoa		/	
15	Kỹ thuật trồng chè		20	
16	Điện dân dụng		20	
17	Xây trát dân dụng		20	
18	Thiết kế đồ họa số		20	
19	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng		20	
20	Quan hệ công chúng		20	

<b>TT</b>	<b>Tên ngành/ nghề</b>	<b>Mã ngành/ nghề</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
21	Quản trị du lịch và lữ hành		20	
22	Chăm sóc sắc đẹp		20	
23	Điều dưỡng		20	
24	Nông nghiệp công nghệ cao		20	
25	Tiếng Trung Quốc		20	
26	Tiếng Đức		20	
27	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		20	
28	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động		20	
29	Tiếng Anh		20	
30	Tiếng Hàn Quốc		50	
31	Tiếng Nhật Bản		20	
32	Công nghệ Ô tô		20	
<b>IV</b>	<b>Giáo dục phổ thông 9+</b>		<b>150</b>	
<b>V</b>	<b>Du học quốc tế</b>		<b>30</b>	

## 6. Quy chế tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của trường.

(Chi tiết trên website: <http://Hateco.edu.vn>)

## 7. Hồ sơ xét tuyển, hình thức, địa điểm nộp hồ sơ

### 7.1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển học trình độ trung cấp, cao đẳng gồm có:

- a) Phiếu đăng ký tuyển sinh theo mẫu quy định của Nhà trường (Phụ lục 1).
- b) 02 ảnh chụp theo kiểu chứng minh nhân dân (cỡ 4x6 cm) có ghi họ, tên và ngày, tháng, năm sinh của thí sinh ở mặt sau.
- c) Bản sao có chứng thực các giấy tờ sau:
  - + Giấy khai sinh;
  - + Căn cước công dân hoặc thẻ Căn cước;

- + Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên theo quy định của nhà nước;
- + Học bạ THCS hoặc học bạ THPT;
- + 02 phong bì dán tem và ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người nhận

- *Đăng ký dự tuyển tuyển trình độ trung cấp*: Bằng tốt nghiệp THCS (hoặc tương đương) trở lên; đối với những trường hợp tốt nghiệp THCS (hoặc tương đương) cùng năm đăng ký dự tuyển tuyển thì phải có bản sao có chứng thực giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời;

- *Đăng ký dự tuyển trình độ cao đẳng*: Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) phải có bản sao bằng tốt nghiệp. Đối với những trường hợp tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) cùng năm đăng ký tuyển sinh thì phải có bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp.

- *Đăng ký xét tuyển trình độ sơ cấp*: Đơn đăng ký học nghề; Bản sao giấy tờ cá nhân (căn cước công dân/ thẻ căn cước); Giấy khám sức khỏe (nếu có yêu cầu từ nghề học cụ thể).

Đối với người đăng ký tuyển sinh đã học hết THPT nhưng chưa tốt nghiệp phải nộp bản sao giấy xác nhận đã học hết chương trình THPT.

Đối với người đăng ký dự tuyển liên thông trình độ Cao đẳng, ngoài các giấy tờ nêu trên cần bổ sung Bảng điểm và Bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng (*photo chứng thực*).

Đối với đối tượng người đăng ký xét tuyển là quân nhân và công an xuất ngũ thì ngoài những giấy tờ nêu trên, thí sinh bổ sung thêm Giấy xác nhận xuất ngũ do đơn vị quân đội/ công an nơi học viên xuất ngũ cấp (bản sao có công chứng sổ quân nhân (hoặc sổ bộ đội chiến sỹ công an) hoặc giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự/ giấy xác nhận thời gian công tác trong lực lượng công an); giấy chứng nhận quyền lợi ưu đãi của quân nhân xuất ngũ (nếu có).

d) Lệ phí xét tuyển:

Người đăng ký tuyển sinh phải nộp phí xét tuyển là 50.000 đồng/ hồ sơ.

## **7.2 . Hình thức, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển**

### **a) Hình thức:**

- Hồ sơ xét tuyển đựng vào túi hồ sơ.
- Nộp trực tiếp tại Phòng Tuyển sinh và truyền thông - Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghệ Hà Nội, Số 202 Hồ Tùng Mậu, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
- Gửi chuyển phát nhanh qua đường bưu điện.
- Ngoài hình thức nộp trực tiếp, người học có thể đăng ký trực tuyển theo 02 cách sau:
  - + Đăng ký trực tuyển (online) trên trang thông tin điện tử về tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

có địa chỉ tại: <http://tuyensinh.gdnn.gov.vn> hoặc trên trang thông tin điện tử của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội hoặc trên trang thông tin điện tử của trường tại địa chỉ <http://Hateco.edu.vn>

+ Đăng ký trực tuyến (online) qua Ứng dụng “**Tuyển sinh**” được cài đặt trên các thiết bị di động (điện thoại thông minh, máy tính bảng).

#### **b) Địa điểm nộp hồ sơ:**

- Trụ sở chính: Phòng tuyển sinh và truyền thông - Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghệ Hà Nội, Số 202 Hồ Tùng Mậu, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

- Nhà trường nhận hồ sơ xét tuyển: buổi sáng 8h - 11h, buổi chiều 14h - 17h vào các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần trừ ngày lễ.

### **8. Chính sách ưu tiên**

Đối tượng ưu tiên: Đối tượng ưu tiên theo quy định tại quy chế tuyển sinh của nhà trường và Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

### **9. Thông báo tuyển sinh**

Chậm nhất 02 tháng trước ngày xét tuyển công bố công khai, bao gồm: chỉ tiêu tuyển sinh của từng nghề theo từng trình độ đào tạo; hình thức tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, vùng tuyển sinh và thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển sinh; thời gian xét tuyển và căn cứ xét tuyển.

### **10. Chương trình đào tạo**

#### **10.1. Cao đẳng:**

a) Thời gian đào tạo: 2-3 năm tùy theo ngành học.

b) Các chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc gia, bao gồm các môn học lý thuyết và thực hành chuyên sâu.

#### **10.2. Trung cấp:**

a) Thời gian đào tạo: 1-2 năm tùy theo ngành học.

b) Chương trình đào tạo kết hợp giữa học lý thuyết và thực tập tại các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp.

### **11. Học phí và các khoản phí**

#### **11.1. Cao đẳng:**

a) Học phí dao động từ 1.500.000 đồng đến 2.400.000 đồng/tháng (tùy ngành học).

b) Các khoản phí khác: phí cơ sở vật chất, phí thí nghiệm thực hành, bảo hiểm y tế,



bảo hiểm xã hội (nếu có)

### **11.2. Trung cấp:**

- a) Học phí dao động từ 1.200.000 đồng đến 2.400.000 đồng/tháng.
- b) Các khoản phí khác: phí thực hành, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội (nếu có).

### **12. Chế độ học bổng và hỗ trợ sinh viên và học sinh**

- a) Cung cấp học bổng cho sinh viên có thành tích học tập xuất sắc.
- b) Chế độ hỗ trợ vay vốn cho sinh viên khó khăn (theo chính sách của nhà nước).
- c) Các hoạt động ngoại khóa, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ việc làm sau khi tốt nghiệp.

### **13. Cơ hội nghề nghiệp**

- a) Các ngành học tại trường được liên kết với các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước, tạo cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.
- b) Trung tâm tư vấn khởi nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp thuộc trường sẽ hỗ trợ sinh, học sinh tìm việc làm ngay sau khi ra trường.

## **IV. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN**

### **1. Sơ cấp: 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng**

- a, Điều kiện xét tuyển:
  - Công dân Việt Nam từ 15 tuổi trở lên.
  - Đảm bảo sức khỏe phù hợp với nghề học.
- b, Phương thức xét tuyển:
  - Xét tuyển trực tiếp dựa trên hồ sơ đăng ký và đối chiếu thông tin cá nhân.
  - Không yêu cầu trình độ học vấn cụ thể.

### **2. Trung cấp**

a) Điều kiện xét tuyển: Người dự tuyển phải tốt nghiệp trung học cơ sở và tương đương trở lên; đối với các ngành nghề đặc thù có thể yêu cầu thêm điều kiện về sức khỏe hoặc năng khiếu.

b) Điểm xét tuyển: Đã tốt nghiệp THCS hoặc trình độ tương đương trở lên.

### **3. Cao đẳng**

#### **3.1 Phương thức 1: Sử dụng kết quả kỳ thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông Quốc gia (TNTHPT) đối với học sinh đã tốt nghiệp THPT**

a) Điều kiện xét tuyển: Người dự tuyển phải có Bằng tốt nghiệp hoặc chứng nhận tốt nghiệp THPT (Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương).

b) Điểm xét tuyển: Nhà trường sử dụng kết quả của tổ hợp các môn thi TNPTTH (theo từng ngày ở mục 3.4) đã cộng điểm ưu tiên đạt từ 13,5 trở lên để xét tuyển. Đối với ngành Điều dưỡng, điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

(Thí sinh không bị điểm liệt trong kỳ thi TNTHPT).

### **3.2 Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT**

a) Điều kiện dự tuyển: Người dự tuyển phải có học lực lớp 12 xếp loại trung bình trở lên. Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

b) Điểm xét tuyển: Là điểm tổng cộng của 03 môn xét tuyển (theo từng ngành như nêu tại mục 3.4) đạt từ 13,5 điểm trở lên và điểm trung bình cả năm lớp 12 từ 5.0 điểm trở lên. Đối với ngành Điều dưỡng, kết quả học tập trong 03 năm THPT từ khá trở lên.

### **3.3 Phương thức 3: Sử dụng kết quả tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng các ngành đào tạo**

a) Điều kiện dự tuyển: Người dự tuyển đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng trở lên các ngành đào tạo. Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

b) Tiêu chí xét tuyển là xếp loại tốt nghiệp trung cấp và cao đẳng.

### **3.4 Các ngành xét tuyển:**

<b>Khối ngành/ nghề</b>	<b>Tổ hợp xét tuyển</b>
Khối ngành Ngôn ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Nhật Bản, Tiếng Hàn quốc, Tiếng Đức	– Xét điểm học bạ THPT lớp 12 môn: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ. – Xét điểm thi tốt nghiệp THPT khối: Các tổ hợp có môn Toán, Văn, Ngoại ngữ.
Khối ngành Du lịch	– Xét điểm học bạ THPT lớp 12 môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Ngoại ngữ. – Xét điểm thi tốt nghiệp THPT khối: Các tổ hợp có môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Ngoại ngữ, Giáo dục kinh tế và Pháp luật.
Khối ngành Kinh tế	– Xét điểm học bạ THPT lớp 12 môn: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ hoặc Toán, Vật lý, Hoá học hoặc Toán, Hoá học, Sinh học. – Xét điểm thi tốt nghiệp THPT khối: Các tổ hợp có môn Toán, Văn học, Ngoại ngữ, Vật lý, Hoá học, Giáo dục kinh tế và Pháp luật.

Khối ngành Công nghệ thông tin	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xét điểm học bạ THPT lớp 12 môn: Toán, Ngữ văn, Tin học.</li> <li>– Xét điểm thi tốt nghiệp THPT khối: Các tổ hợp có môn Toán, Ngoại ngữ, Vật lý, Hoá học, Tin học.</li> </ul>
Khối ngành kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xét điểm học bạ THPT lớp 12 môn: Toán, Vật lý, Hoá học.</li> <li>– Xét điểm thi tốt nghiệp THPT khối: Các tổ hợp có môn Toán, Ngoại ngữ, Vật lý, Hoá học.</li> </ul>
Khối ngành Nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xét điểm học bạ THPT lớp 12 môn: Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học.</li> <li>– Xét điểm thi tốt nghiệp THPT khối: Các tổ hợp có môn Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học.</li> </ul>
Ngành điều dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xét điểm học bạ THPT lớp 12 môn: Toán, Hóa, Sinh.</li> <li>– Xét điểm thi tốt nghiệp THPT khối: Các tổ hợp có môn Toán, Hóa học, Sinh học.</li> </ul>
Ngành chăm sóc sắc đẹp, truyền thông, logistic và quản lý chuỗi cung ứng:	Lấy điểm của 3 môn tổ hợp của các khối ngành theo tổ hợp thi tốt nghiệp THPT 2025.

#### **4. Cơ chế ưu tiên**

Đối tượng ưu tiên: Người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, vùng khó khăn; Con thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng; Người khuyết tật và các trường hợp khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động – Thương binh và xã hội.

Hình thức ưu tiên: Cộng điểm ưu tiên xét tuyển; Hỗ trợ tài chính, học bổng, hoặc miễn/giảm học phí hoặc theo quy định tuyển sinh hiện hành.

#### **5. Đăng ký tổ hợp môn học và nguyện vọng xét tuyển.**

Thí sinh chỉ được đăng ký 01 tổ hợp môn xét tuyển/ngành, không giới hạn số nguyện vọng ngành đăng ký xét tuyển (Nhà trường xét tuyển theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp, nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

#### **6. Nguyên tắc xét tuyển**

a) Điểm xét tuyển là điểm trung bình cộng hoặc tổng điểm 03 môn của từng tổ hợp xét tuyển và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực.

b) Đối với thí sinh đã đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng, xét trúng tuyển từ thí sinh có điểm xét tuyển cao nhất trở xuống cho đến hết chỉ tiêu của ngành.

c) Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghệ Hà Nội không nhận hồ sơ dự tuyển trong các trường hợp sau đây:

- Người đăng ký xét tuyển không đủ sức khỏe hoặc không trong độ tuổi theo quy định của ngành, nghề dự tuyển;

- Người đăng ký xét tuyển đang trong thời gian bị truy tố hoặc trong thời kỳ thi hành án hình sự;

- Người đăng ký xét tuyển không chấp hành luật Nghĩa vụ quân sự;

- Người đăng ký xét tuyển bị tước quyền dự tuyển hoặc bị kỷ luật buộc thôi học chưa đủ một năm (tính từ ngày bị tước quyền tham dự tuyển hoặc ngày ký quyết định kỷ luật buộc thôi học đến ngày xét tuyển).

## 7. Quy trình tuyển sinh

- Thông báo tuyển sinh: Công khai thông tin tuyển sinh trên website, các phương tiện truyền thông, và tại địa phương.

- Nhận hồ sơ: Xác minh hồ sơ và đảm bảo tính hợp lệ.

- Xét tuyển:

+ Phân loại đối tượng theo từng bậc học.

+ Lập danh sách học viên trúng tuyển.

- Công bố kết quả: Thông báo công khai danh sách trúng tuyển và hướng dẫn nhập học.

- Tiếp nhận học viên: Hoàn tất thủ tục nhập học và tổ chức tuần sinh hoạt đầu khóa.

## 8. Các thông tin dùng để xét tuyển

Nhà trường không xét mức chênh lệch điểm trúng tuyển của tổng điểm giữa các tổ hợp môn xét tuyển trong cùng một ngành.

**Đối với thí sinh thuộc diện được miễn thi bài thi Ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:** Nhà trường sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ. Điểm bài thi môn Ngoại ngữ theo tổ hợp môn thi dùng để xét tuyển các ngành theo quy định của nhà trường được tính 10 điểm.

**Đối với thí sinh thuộc diện bảo lưu điểm thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:** Nhà trường không sử dụng điểm bảo lưu trong kỳ thi THPT để xét tuyển.

## **5. Lộ trình tăng học phí với sinh viên hệ chính quy**

Theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

**6. Tài chính:** Tổng nguồn thu hợp pháp (DK) năm 2025 của trường: 26.754.500